Số: 320/BC-UBND
Thời gian ký: 2026-07-10T17:32:49+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHIÊN ĐÀN

Biểu 115/CK TC-NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /07/2026 của UBND xã Chiên Đàn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán			Thực hiện			So sánh (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1=2+3	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	**278.000,000**	**33.774,000**	**244.226,000**	**117.887,085**	**11.121,917**	**106.765,167**	**42,41%**	**32,93%**	**43,72%**
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	57.563,000	1.400,000	56.163,000	38.962,881	867,282	38.095,599	67,69%	61,95%	67,83%
2	Chi khoa học và công nghệ (3)	2.000,000	-	2.000,000	652,924		652,924	32,65%	0,00%	32,65%
3	Chi quốc phòng	3.373,000	-	3.373,000	1.785,770		1.785,770	52,94%	0,00%	52,94%
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2.838,000	500,000	2.338,000	861,147		861,147	30,34%	0,00%	36,83%
5	Chi y tế, dân số và gia đình	6.018,000	-	6.018,000	2.718,839		2.718,839	45,18%	0,00%	45,18%
6	Chi văn hóa thông tin	2.275,000	1.400,000	875,000	379,295		379,295	16,67%	0,00%	43,35%
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.192,000	500,000	692,000	242,710	142,710	100,000	20,36%	28,54%	14,45%
8	Chi thể dục thể thao	935,000	600,000	335,000	573,544	373,544	200,000	61,34%	62,26%	59,70%
9	Chi bảo vệ môi trường	3.429,000	-	3.429,000	500,000		500,000	14,58%	0,00%	14,58%
10	Chi các hoạt động kinh tế	48.002,000	25.213,000	22.789,000	13.422,645	8.551,119	4.871,526	27,96%	33,92%	21,38%
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	31.569,000	-	31.569,000	19.836,111	1.187,262	18.648,849	62,83%	0,00%	59,07%
12	Chi bảo đảm xã hội	28.084,000	-	28.084,000	15.635,042		15.635,042	55,67%	0,00%	55,67%
13	Chi thường xuyên khác	5.065,000	1.100,000	3.965,000	859,800		859,800	16,98%	0,00%	21,68%
14	Dự phòng ngân sách	7.016,000	3.061,000	3.955,000	-			0,00%	0,00%	0,00%
15	Chi từ nguồn BSMT và cải cách tiền lương	78.641,000		78.641,000	21.456,375		21.456,375	27,28%	0,00%	27,28%